

Bản án số: 772/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/6/2024

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Phương Trang;

Bà Trần Thị Thiếu Liên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Quang Lộc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1322/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm: 1977.

Thường trú: số 441/16 đường N, Phường T, Quận 3, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Hà Cẩm L, sinh năm: 1973.

Thường trú: số 565/38 đường A, phường An L, quận B, Thành phố H.

Bà Trần Ngọc T và ông Hà Cẩm L có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn ngày 08/08/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải, bà Trần Ngọc T trình bày: bà và ông Hà Cẩm L sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/97 quyển số 98 do Ủy ban nhân dân thị trấn A L, huyện B, Thành phố H cấp ngày 15/10/1997.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp với nhau. Dù đã cố gắng hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm nên hiện nay hai bên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Trần Ngọc T yêu cầu được ly hôn với ông Hà Cẩm L.

- Về con chung: có 02 con chung là Hà Trần N Q Ch, sinh ngày 05/10/2000; Hà Trần M P, sinh ngày: 14/3/2006. Hiện hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì.

- Tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Trần Ngọc T xác định không có.

Ông Hà Cẩm L trình bày: Ông và bà Trần Ngọc T kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01/97 quyền số 98 do Ủy ban nhân dân thị trấn An Lạc, huyện Bình Chánh, Thành phố H cấp ngày 15/10/1997.

Ông Hà Cẩm L cho biết trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chất công việc nên ông ít khi về nhà từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hai bên không quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Hà Cẩm L đồng ý ly hôn với bà Trần Ngọc T.

- Về con chung: có 02 con chung là Hà Trần N Q Ch, sinh ngày 05/10/2000; Hà Trần M P, sinh ngày: 14/3/2006. Hiện hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không có yêu cầu gì.

- Tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: ông Hà Cẩm L xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn: bà Trần Ngọc T có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn ông L; Về con chung: Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không có yêu cầu gì; Tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Bị đơn: ông Hà Cẩm L có đơn xin vắng mặt. Ông đồng ý ly hôn với bà T; Về con chung: Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không có yêu cầu gì; Tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định về thụ lý, thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và đúng trình tự tố tụng quy định tại các Điều 196, 205, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử tuân thủ đúng quy định tại Khoản 1, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Ngọc T có đơn yêu cầu ly hôn với ông Hà Cẩm L, ông L hiện đang cư trú tại quận B T, Thành phố H. Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố H tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bà T và ông L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại các phiên tòa nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông L.

[3] Về nội dung:

Bà Trần Ngọc T và ông Hà Cẩm L đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/97 quyển số 98 do Ủy ban nhân dân thị trấn A L, huyện B C, Thành phố H cấp ngày 15/10/1997. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn thì đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3.1] Xét yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn ông L vì lý do tình cảm không còn và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Về phía ông L xác nhận do tính chất công việc nên ông ít khi về nhà dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, bà T yêu cầu ly hôn ông đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà T và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu được ly hôn và ông L cũng đồng ý. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3.2] Về con chung: bà T khai trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là Hà Trần N Q Ch, sinh ngày 05/10/2000; Hà Trần M P, sinh ngày: 14/3/2006. Hiện hai con đã thành niên và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: bà T và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: bà T và ông L cùng xác định không có nên không xem xét.

[4]. Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Ngọc T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ luật Thi hành án năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc T về việc yêu cầu ly hôn với ông Hà Cẩm L.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Ngọc T được ly hôn với ông Hà Cẩm L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01/97 quyển số 98 do Ủy ban nhân dân thị trấn A L, huyện B C, Thành phố H cấp ngày 15/10/1997 cho bà Trần Ngọc T và ông Hà Cẩm L không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: có 02 con chung là Hà Trần N Q Ch, sinh ngày 05/10/2000; Hà Trần M P, sinh ngày: 14/3/2006. Hiện hai con đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: bà Trần Ngọc T và ông Hà Cẩm L tự thỏa thuận nên không xem xét.

1.4. Về nợ chung: bà Trần Ngọc T và ông Hà Cẩm L cùng xác định không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng) bà Trần Ngọc T phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Trần Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0026988 ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Trần Ngọc T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THA DS quận Bình Tân;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VP, HS (Mai).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Phước